TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-5-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Lường.

2. Ông Cao Văn Vạn.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Tiểu Thơ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 147/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị V, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh M, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ 2, ấp 9A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chị V có đơn xin vắng mặt. Anh M có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/3/2023, nguyên đơn chị V trình bày:

Chị với anh M chung sống vợ chồng năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 01/9/2020. Sau thời gian chung sống thì đến đầu năm 2022, vợ chồng không hợp nhau về lối sống, cuộc sống vợ chồng có nhiều xung đột, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh M không có trách nhiệm với gia

đình, thường xuyên đi nhậu, mỗi khi đi nhậu về là anh M chửi, đuổi chị đi và đập phá đồ đạc trong gia đình. Chị với anh M ly thân từ tháng 3/2022 đến nay.

Do mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không hàn gắn được, nên chị yêu cầu ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị với anh M không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bị đơn anh M trình bày: Anh với chị V chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn đúng như đơn khởi kiện, anh với chị V ly thân từ tháng 3/2022 đến nay. Anh thừa nhận khi nhậu về có chửi, đập đồ trong nhà và đuổi chị V đi nhưng anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị V vì còn thương vợ.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị V có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị V theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị V, anh M chung sống vợ chồng năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 01/9/2020, nên quan hệ hôn nhân giữa chị V với anh M là hợp pháp. Chị V xác định vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn như trên, làm cho tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không hàn gắn được, nên chị V yêu cầu ly hôn với anh M. Anh M không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị V, nhưng anh M không có biện pháp nào để hành gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, chị V, anh M ly thân nhau đã trên một năm nhưng vợ chồng cũng không hàn gắn được.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị V có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị V xác định không có con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh M xác định không có con chung và nợ chung; tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị V ly hôn với anh M.

2. Án phí: Chị V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị V đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0017396 ngày 28/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy chị V đã thi hành xong án phí.

3. Anh M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Chị V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Công Vĩnh Đức